TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C, TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 148/2020/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Đoàn Thanh Q**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T.

2. Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện C, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ việc, anh Đoàn Thanh Q và chị Lê Thị T trình bày:

[1] Anh chị xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, hôn nhân của anh, chị được xây dựng trên cơ sở quen biết và có sự tìm hiểu nhau trước. Anh, chị đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 008, quyển số 01/2006, ngày 10/01/2006.

Anh chị sống hạnh phúc được đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cải nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đoàn Quý N, sinh ngày 08/01/2006, hiện sống chung với gia đình.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

[3] Về án phí: Anh Đoàn Thanh Q và chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003395, ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đoàn Thanh Q và chị Lê Thị T.

- Về con chung: Anh chị thống nhất giao con chung tên Đoàn Quý N, sinh ngày 08/01/2006 cho Lê Thị T nuôi dưỡng, anh Đoàn Thanh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đoàn Thanh Q được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Anh Đoàn Thanh Q và chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí Hôn nhân sơ thẩm, anh chị đã tạm nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003395, ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên được cấn trừ xem như anh chị đã thực hiện xong phần lệ phí.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Ngọc Giàu